

VẤN ĐỀ PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX**Đặng Thị Vân Chi***Khoa Tiếng Việt**Đại học KH Xã hội & Nhân văn - ĐHQG Hà Nội*

Đầu thế kỷ XX, dưới tác động của các chương trình khai thác thuộc địa, chính sách chính trị, văn hóa, giáo dục của Pháp, ảnh hưởng của các trào lưu tư tưởng dân chủ trên thế giới, xã hội Việt Nam có nhiều thay đổi. Khi xã hội thay đổi, tất cả đều liên quan đến phụ nữ. Cùng với sự ra đời của giai cấp công nhân, bộ phận nữ lao động làm thuê đã có mặt ở hầu hết các ngành kinh tế, làm việc trong xưởng máy, hầm mỏ, đồn điền... Số đông phụ nữ còn được đưa vào làm công việc dịch vụ trong các đô thị, làm người bán hàng, di ở, làm con sen, bồi bếp và thậm chí cả nghề mại dâm... Bên cạnh đó, chính sách văn hóa giáo dục của Pháp đã tạo nên một tầng lớp phụ nữ trí thức, làm nhiều nghề khác nhau như: thư ký, giáo viên, làm thơ, viết báo... Phụ nữ trở thành một lực lượng xã hội, một đối tượng quan tâm, tranh thủ của mọi khuynh hướng chính trị, đặc biệt từ sau chiến tranh thế giới thứ I.

Trong cơn khủng hoảng do xâm lược thực dân gây nên, phụ nữ trở thành một vấn đề xã hội và dường như là điểm thể hiện tập trung những mâu thuẫn, những thay đổi trong xã hội Việt Nam buổi giao thời. Vấn đề đánh giá vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội, vấn đề phụ nữ chức nghiệp và chế độ tiền lương, chế độ bảo hiểm, vấn đề giáo dục phụ nữ, vấn đề hôn nhân và gia đình, những nguyên tắc đạo đức truyền thống... cho đến vấn đề phụ nữ với thể dục, thời trang... đặc biệt vấn đề nữ quyền và giải phóng phụ nữ, phụ nữ tham gia vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc như thế nào đã trở thành vấn đề lưu tâm của xã hội trong những năm đầu thế kỷ XX.

1. Vai trò của phụ nữ trong gia đình, xã hội và trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc

Những đóng góp to lớn của phụ nữ Việt Nam trong sản xuất xã hội, trong kinh tế gia đình và giáo dục con cái trong lịch sử là một thực tế mà hầu hết mọi người phải thừa nhận. Không chỉ có những người xuất thân tây học như Nguyễn Văn Vĩnh, Diệp Văn Kỳ... hay những người yêu nước như Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng... đánh giá cao vai trò của phụ nữ mà ngay cả những người xuất thân Hán học chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo như Phạm Quỳnh, Nguyễn Bá Học cũng phải thừa nhận phụ nữ Việt Nam từ trước đến nay vốn "*lĩnh lợi mà can đảm, cần mẫn mà khôn ngoan, xưa nay đã có tiếng giỏi về đường kinh tế. Cuộc thương nghiệp trong nước phần nhiều là ở trong tay đàn bà. Dẫu cả thế giới không đâu có cảnh đáng phục là cảnh vợ nuôi chồng đi học, học suốt đời... phụ nữ một*

mình tận tảo mà cung cấp được cho cả một nhà, trên là cha mẹ, dưới là lũ con” [1], hay “đàn bà là chủ gia đình, đứng vào địa vị giáo sư cho con trẻ” và “chưa hề thấy một người đàn bà ngu hèn thế nào mà dung cho con ăn gian nói dối, thứ cho con chửi chửi đánh anh. Còn bao nhiêu con nhà thất giáo hồ hết là con nhà không có mẹ” [2].

Về vai trò của phụ nữ trong phong trào giải phóng dân tộc thì không phải ai cũng nhận thấy. Ngay các trí thức yêu nước trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục cũng chỉ cho rằng phụ nữ có thể tham gia một cách gián tiếp thông qua việc khuyến khích chồng và khuyên bảo con. Còn các nhà tư sản thì hoàn toàn gạt phụ nữ ra khỏi những tính toán chính trị của họ. Riêng Phan Bội Châu là người đầu tiên nhìn một cách đúng đắn vai trò của phụ nữ đối với sự nghiệp đấu tranh cứu nước. Trong *Hải ngoại huyết thư* năm 1906, Phan Bội Châu đã kêu gọi “*nhi nữ*” cùng “*phú hào, quan chức, gia tô, sĩ tịch...*” cùng đứng dậy giết giặc cứu nước.

Chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam mới thấy hết được vai trò to lớn của phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Ngay từ khi mới thành lập năm 1930 Đảng đã ra *Nghị quyết về công tác vận động phụ nữ*, vạch rõ “*Lực lượng phụ nữ là lực lượng rất trọng yếu. Nếu quảng đại quần chúng phụ nữ không tham gia cách mạng thì cách mạng không thể thắng lợi được*” [3]. Chính vì vậy công cuộc vận động giải phóng dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam đã lôi cuốn được đông đảo phụ nữ tham gia và đi tới thắng lợi.

2. Vấn đề giáo dục phụ nữ

Trước khi Pháp xâm lược, dưới chế độ phong kiến, phụ nữ không được đi học nên có thể nói giáo dục phụ nữ hay “*nữ học*” là một trọng tâm được thảo luận khá sôi nổi trên báo chí những năm đầu thế kỷ XX. Ngay từ năm 1907, trên *Đảng Cổ Tùng Báo*, Nguyễn Văn Vĩnh đã viết bài phê phán những quan niệm hẹp hòi của nhiều người trước việc phụ nữ đi học cũng như đề ra nhiều biện pháp khuyến khích phụ nữ đi học. Nhưng cuộc thảo luận thực sự về vấn đề “*nữ học*” chỉ diễn ra sau khi thực dân Pháp ban hành *Học chính Tổng qui* năm 1917, một quy định có tính chất pháp chế về việc giáo dục cho phụ nữ. Tham gia vào cuộc thảo luận này là các quan chức giáo dục của chính quyền thực dân và các học giả tên tuổi như Phạm Quỳnh, Nguyễn Bá Học, Trịnh Đình Rư... kể cả các phụ nữ trí thức như Sương Nguyệt Ánh, Đàm Phương... Nhìn chung hầu hết các tác giả đều nhất trí cho rằng cần phải giáo dục phụ nữ, nhưng giáo dục phụ nữ như thế nào lại tùy thuộc vào quan niệm của mỗi người về vị trí của phụ nữ trong xã hội. Trong những năm 20 phần lớn các tác giả trên báo *Nam Phong* đều quan niệm vị trí của phụ nữ là ở trong gia đình nên nội dung giáo dục chủ yếu nhằm giúp phụ nữ làm tốt công việc nội trợ. “*Con gái cần phải học để nhân cách hoàn toàn*” [4] “*nếu không học thì sao hiểu được tứ đức*” [5] và cần nhất là chuyên dạy tam tòng tứ đức, các việc đàn bà trong nhà, không cần phải dạy nhiều về khoa học, toán, mà giành nhiều thời gian cho việc dạy

nữ công gia chánh. Các tác giả này còn phê phán chương trình giáo dục của Pháp cho phụ nữ Việt Nam là không phù hợp, cần phải bớt số giờ tiếng Pháp đi và tăng số giờ dạy chữ quốc ngữ và nữ công gia chánh lên.

Đến những năm 30, cùng với sự phát triển của phong trào nữ quyền và giải phóng phụ nữ, sự có mặt của tầng lớp nữ trí thức, các trí thức tây học như Trịnh Đình Rư, Cao Văn Chánh, Nguyễn Văn Bá... cho rằng “*giáo dục phụ nữ không thể lấy gia đình làm gốc nữa, không nên nghĩ thiên chức đàn bà là ở trong gia đình mà quên mất rằng cái phận sự ai nấy ở ngoài xã hội*” [6]. Phụ nữ phải học tập để có thể bình đẳng với nam giới, để có thể tham gia các công tác xã hội. Giáo dục phụ nữ thời kỳ này được coi là một biện pháp để thực hiện nữ quyền và giải phóng phụ nữ.

3. Vấn đề nữ quyền và giải phóng phụ nữ

Khái niệm về nữ quyền lần đầu tiên xuất hiện trên báo chí Việt Nam vào năm 1914 trong bài *Về thói trọng nam khinh nữ của ta* của Nguyễn Văn Vĩnh trên *Đông Dương Tạp Chí*. Trong những năm sau đó trên báo *Nam Phong* và *Nữ Giới Chung* các tác giả đều cố gắng làm rõ khái niệm này. Tuy nhiên, khái niệm nữ quyền lúc đó vẫn còn xa lạ với phần đông người Việt Nam. Theo hầu hết các tác giả đây là một khái niệm của phương Tây mới được du nhập vào Việt Nam. Họ cho rằng phụ nữ Việt Nam có cùng lợi ích và thông minh như nam giới nhưng phải chịu một địa vị thấp kém, bất bình đẳng với nam giới, chỉ vì họ không có học thức. Vì vậy, muốn thực hiện quyền bình đẳng nam nữ cần “*phải lưu tâm vào sự giáo dục đàn bà*” [7].

Sau năm 1930, tình hình xã hội Việt Nam có những thay đổi quan trọng. Sự ra đời của giai cấp tư sản và tiểu tư sản thành thị, sự có mặt của hơn 35 vạn trí thức tây học, đặc biệt là sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đã ảnh hưởng sâu sắc tới tình hình chính trị và tư tưởng ở Việt Nam trong đó có sự nhận thức về vấn đề nữ quyền và giải phóng phụ nữ.

Thời kỳ này, nội dung của khái niệm nữ quyền không còn giới hạn trong quan niệm coi sự bất bình đẳng nam nữ chỉ là sự bất bình đẳng trong vấn đề giáo dục nữa mà được bao gồm cả quyền bình đẳng về chính trị, quyền bầu cử, ứng cử, quyền lao động và tự do kết hôn với người mình yêu.

Nhìn chung việc nhận thức vấn đề nữ quyền lúc này đã hình thành một số khuynh hướng phản ánh quan điểm và quyền lợi của các nhóm xã hội khác nhau.

Trước hết đó là khuynh hướng ủng hộ nữ quyền. Hầu hết những người này đều thuộc tầng lớp trên và những trí thức Tây học chịu ảnh hưởng của văn hóa phương Tây, do đó chỉ nhận thấy thân phận lệ thuộc của một số phụ nữ thuộc tầng lớp trên luôn sống trong điều kiện kín cổng cao tường, không lao động, không sống tự lập và chịu nhiều ràng buộc của lễ giáo phong kiến. Vì vậy họ chủ trương giáo dục phụ nữ và phụ nữ chức nghiệp là điều kiện để thực hiện nữ quyền và giải phóng phụ nữ. Tuy nhiên nữ quyền gắn với quyền chính trị, quyền ứng cử và bầu

cử của phụ nữ thì họ đều né tránh và nhấn mạnh phụ nữ không chỉ làm việc trong gia đình và cần tham gia các công tác xã hội. Khuynh hướng này được sự ủng hộ của nhiều phụ nữ trí thức, phụ nữ tư sản và tiểu tư sản như Vân Đài, Đạm Phương, bà Nguyễn Đức Nhuận, Nguyễn Thị Kiêm...

Trái với khuynh hướng ủng hộ nữ quyền là khuynh hướng phê bình nữ quyền. Trong khuynh hướng này, có một số người phê bình nữ quyền do ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo như Phạm Quỳnh, Tôn Thất Đàm... Một số khác là trí thức tư sản như Phan Long, Bùi Quang Chiêu mặc dù biết "*quyền bình đẳng nam nữ là một tư tưởng tiên bộ*" [8] nhưng vì quyền lợi chính trị cá nhân họ cũng phản đối nữ quyền "*giúp cho phụ nữ đòi bình quyền là gây thêm kẻ phản đối*" và "*họ sẽ phản đối ta từ trong gia đình tới ngoài xã hội*" [9]. Hay cũng như Nguyễn Văn Vĩnh thì cho rằng phụ nữ Việt Nam cũng đòi nữ quyền như phụ nữ Châu Âu là đòi ngược vì phụ nữ Việt Nam đã có nữ quyền rồi...

Phản đối nữ quyền, nhiều người còn phản đối cả việc phụ nữ đi làm và tham gia các công tác xã hội. Họ cho rằng phụ nữ đi làm sẽ tranh chỗ làm của nam giới và làm cho gia đình sẽ không có người chăm sóc... Gia đình là nguồn gốc của xã hội mà gia đình không vững thì xã hội sẽ tan...

Một khuynh hướng khác nhận thức được thân phận nô lệ của người Việt Nam dưới thời Pháp thuộc nên chủ trương vận động giải phóng phụ nữ khỏi giàng buộc lễ giáo phong kiến như Diệp Văn Kỳ và Phan Khôi. Diệp Văn Kỳ cho rằng "*người Việt Nam không phải là kẻ làm luật mà chỉ là kẻ chịu luật*" "*ngay nam giới cũng chỉ có quyền nắm canh đóng thuế*" thì "*đôi với phụ nữ chỉ còn chuyện giải phóng, giải phóng ở phong tục, giải phóng ở gia đình, giải phóng ở xã hội, hoàn toàn giải phóng*" [10]. Hay Phan Khôi viết nhiều bài trên các báo "*chỉ trích Khổng giáo, đá phá chế độ gia đình*", "*vì chị em phụ nữ mà xoá cái luật nam tôn nữ ti, giáng lại cái nghĩa chữ trinh bênh vực sự cái giá là vô tội*" [11].

Bên cạnh đó một loạt tiểu thuyết luận đề của các nhà văn Tự Lực Văn Đoàn đề cao con người cá nhân, chống lại lễ giáo phong kiến. Đặc biệt các nhân vật nữ của họ là những người dám chống lại lễ giáo phong kiến, dám yêu và tự định đoạt cuộc đời mình.

Tuy nhiên, trong các sách báo công khai, những trí thức tư sản, ngay cả những người chủ trương ủng hộ nữ quyền và giải phóng phụ nữ cũng không ai chỉ ra được trong điều kiện của một nước thuộc địa như Việt Nam, phụ nữ muốn đòi nữ quyền và giải phóng phụ nữ, trước hết phải có một tiền đề lớn là nước nhà độc lập. Những người cộng sản là những người duy nhất đã gắn vấn đề giải phóng phụ nữ với vấn đề giải phóng dân tộc. Trong *Luận cương chính trị* năm 1930 của Đảng Cộng sản, nam nữ bình quyền là một trong mười chủ trương lớn của Đảng. Đảng cũng vạch rõ "*nếu phụ nữ đứng ngoài cuộc đấu tranh cách mạng của công nông thì không bao giờ đạt mục đích phụ nữ giải phóng được*" [12]. Cuộc vận động giải phóng phụ nữ của Đảng phát triển, nhiều nữ đảng viên cộng sản đã đi vào vận

động công nông. Mặt khác các nữ trí thức, các nhà báo nữ cộng sản đã làm cho những vấn đề phụ nữ trên các báo tư sản như *Phụ Nữ Tân Văn* những năm 1934 - 1935 trở nên gần gũi hơn với phụ nữ lao động và việc nhận thức vấn đề nữ quyền trở nên thực tế hơn và đúng hướng hơn. Đó là việc vạch rõ vấn đề phụ nữ chức nghiệp không chỉ là vấn đề việc làm của phụ nữ mà đối với phần đông phụ nữ đang lao động trong các hầm mỏ, nhà máy của tư bản Pháp là vấn đề điều kiện lao động, chế độ tiền lương, chế độ bảo hiểm...

4. Những vấn đề đạo đức và hôn nhân

Trong những năm đầu thế kỷ XX, dưới ảnh hưởng của tiếp xúc văn hóa Đông - Tây những vấn đề như tảo hôn, đa thê được thảo luận nhiều trên báo chí, nhất là trong mục *Nhời đàn bà* trên *Đảng Cổ Tùng Báo* và *Đông Dương Tạp Chí*. Trong khi tục tảo hôn bị hầu hết mọi người phê phán thì chế độ đa thê không những không bị ai phản đối mà nhiều người còn cố gắng biện hộ cho hành vi đó. Tuy nhiên, đến những năm 1930, phụ nữ Việt Nam đã lên tiếng “*điều trước tiên có thể làm được ngay và nó hợp với luân lí và nhân đạo là đề nghị ban hành luật một vợ một chồng*” [13].

Dưới danh nghĩa đòi nữ quyền và giải phóng phụ nữ, một số phụ nữ thành thị sa vào bói toán, cờ bạc... đặc biệt các cô gái Tây học (theo mới) mà lối sống và quan niệm của họ là một thách thức đối với những quan niệm đạo đức và đe dọa tính chất bền vững của gia đình truyền thống. Do đó, một số người như Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu mặc dù ủng hộ nữ quyền đã phải lên tiếng phê phán “*vứt hết kim tiền máu mủ vì phân sáp nước bông... mang được cái lột Madam thời xem đất nước quê hương không bằng một sợi tóc, thế mà nay nữ quyền, mai nữ quyền, kêu rêu xao xác, phụ nữ như thế còn vấn đề gì mà bàn nữa đâu*” [14]. Trong những năm 1930, trước hàng loạt các cuộc tự sát của phụ nữ và thanh niên các đô thị có nguyên nhân từ những vấn đề xã hội như quan hệ bà gia nàng dâu, quyền gia trưởng, quan hệ nam nữ, việc ép duyên... Phan Khôi đã phải kêu lên “*gia đình xứ ta đã thành ra vấn đề rồi*” [15]. Bên cạnh đó, vấn đề tự do kết hôn cũng có nhiều ý kiến tranh luận. Những người ủng hộ tự do kết hôn thì đặt hạnh phúc cá nhân lên trên và coi tình yêu là cơ sở của hôn nhân, còn những người phê phán tự do hôn nhân lại đặt quyền lợi của gia đình lên trên. Dưới nhan đề “*Đàn bà với ái tình*” Thạch Lan cho rằng phụ nữ mà nói đến tình yêu, đòi quyền tự do yêu thương cũng giống như đứng giữa xã hội mà nói to lên rằng “*Chúng tôi cũng là người như đàn ông nên phải được quyền chọn bạn trăm năm*” “*hôn nhân nào, gia tộc nào không do ái tình gây nên thì cũng là chuyện bá láp*” [16].

Kết luận

1. Trong điều kiện của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX, với sự xuất hiện của đông đảo phụ nữ trong các hầm mỏ, nhà máy, với các hình thức lao động được xã hội hóa của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cũng như việc nhiều phụ nữ

được tới trường, phụ nữ dạy học, viết báo, làm thơ... lần đầu tiên trong lịch sử, vấn đề phụ nữ không còn nằm trong khuôn khổ gia đình nữa mà được đặt trên bình diện xã hội.

2. Lần đầu tiên các vấn đề của phụ nữ được đưa ra thảo luận, trao đổi trên báo chí. Từ chỗ chỉ có nam giới bàn về những vấn đề của phụ nữ dần dần đã xuất hiện những tiếng nói của phụ nữ bàn về những vấn đề của chính mình. Do đó vấn đề phụ nữ không chỉ là vấn đề của xã hội mà còn trở thành sự tự nhận thức của bản thân phụ nữ. Chính sự tự nhận thức này mới mang lại cho phụ nữ những thay đổi thực sự cũng như thúc đẩy sự phát triển của phong trào phụ nữ, thúc đẩy phụ nữ tham gia vào các hoạt động xã hội, vào phong trào đòi quyền bình đẳng nam nữ và giải phóng phụ nữ.

3. Quá trình nhận thức các vấn đề của phụ nữ như nữ quyền và giải phóng phụ nữ đã đi từ lĩnh vực văn hóa - nữ học, giáo dục phụ nữ - sang lĩnh vực chính trị xã hội: phụ nữ và quyền bầu cử, ứng cử, quyền tham chính, giải phóng phụ nữ và đến những năm 1934 - 1935 vấn đề nữ quyền và giải phóng phụ nữ được gắn với vấn đề giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp.

TAI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Nam Phong*, số **82** tháng 4 - 1924, tr 264 - 268.
- [2] *Nam Phong*, số **34** tháng 4 - 1920, tr 287.
- [3] *Lịch sử phong trào phụ nữ Việt Nam* tập I. NXB Phụ nữ, H., 1961, tr 174.
- [4] *Nam Phong*, số **23** tháng 5 - 1919, tr 397
- [5] *Nam Phong*, số **101** tháng 12 - 1925, tr 435.
- [6] *Phụ Nữ Tân Văn*, số **2** tháng 5 - 1929, tr 10.
- [7] *Nam Phong*, số **4** tháng 10 - 1917, tr 210.
- [8] *Phụ Nữ Tân Văn*, số **3** tháng 5 - 1929, tr 10.
- [9] *Phụ Nữ Tân Văn*, số **8** tháng 6 - 1929, tr 9.
- [10] *Phụ Nữ Tân Văn*, số **14** tháng 8 - 1929, tr 9.
- [11] *Đông Dương Tạp Chí*, số **31**(1937). (Theo Nguyễn Đức Mậu trong "Gia đình đã thành vấn đề như thế nào", *Tạp Chí Xã hội học*, tháng **3**, 1990, tr 87).
- [12] *Lịch sử phong trào phụ nữ Việt Nam* tập I. NXB Phụ nữ, H., 1961, tr 175.
- [13] *Phụ Nữ Tân Văn*, số **18** tháng 8 - 1929, tr 16.
- [14] *Phụ Nữ Tân Văn*, số **10** tháng 7 - 1929, tr 10.
- [15] *Phụ Nữ Tân Văn*, số **84** tháng 5 - 1931, tr 9.
- [16] *Phụ Nữ Tân Văn*, số **95** tháng 8 - 1931, tr 15.
- [17] *Đăng Cổ Tùng Báo* xuất bản năm 1907.

- [18] *Nữ Giới Chung* xuất bản năm 1918.
- [19] Hoài Thanh, Hoài Chân. *Thi nhân Việt Nam (1932-1941)*. NXB Văn học, 1997.
- [20] Nhất Linh. *Lạnh lùng*. NXB *Đời Nay*, H., 1937.
Đôi bạn. NXB *Đời Nay*, H., 1938.
Nắng Thu. NXB *Đời Nay*, H., 1948.
- [21] *Essays in to Vietnamese pasts*, Cornell University, Inthaca New York, New York 1995.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., t.XV, N^o5, 1999

THE QUESTION OF WOMEN IN VIETNAM IN THE EARLY XX CENTURY

Dang Thi Van Chi

*Faculty of Vietnamese Language and Culture for Foreigners
College of Social Sciences & Humanities - VNU*

At the beginning of the twentieth century there came the impact of the French colonial exploitation, bringing new cultural and educational policies, along with new ideological currents developing around the world. Vietnam underwent major transformations in political, economic, social, cultural, and educational spheres. This process had a major impact on women.

The role of women in society had to be redefined as Vietnam underwent social, cultural, economic changes. Such areas as the role of women their position in the family, education, profession, and marriage were questioned. These were primarily question of women's rights, women's liberation and the role of women in the national liberation movement.